TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI D□ƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HSST
Ngày: 09/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Minh;

Ông Đào Xuân Tìm.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Triệu Thị Loan, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Duy Đạt Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2019/HSST ngày 18 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/QĐXXST-HS ngày 12/4/2019 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử vụ án đối với các bị cáo:

1. Trần Văn D (Tên gọi khác: Trần Quang D**)**, sinh năm 1992 tại huyện A, Hải Phòng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và trú quán: thôn T, xã T, huyện A, Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (Học vấn): 6/12; con ông Trần Văn T và bà Phạm Thị Q ; vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1992; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015;

Tiền án: 01 tiền án. Bản án số 89/2013/HSST ngày 27/9/2013, Trần Văn D bị Tòa án nhân dân huyện EaH'Leo, tỉnh ĐăkLăk xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 11/7/2013. Đến nay vẫn chưa thi hành xong phần thi hành án dân sự của bản án.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: - Bản án số 64/2009/HSST ngày 28/8/2009, D bị Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng xử phạt 18 tháng tù về tội Cướp tài sản, thời hạn tính từ ngày 29/4/2009 (Hành vi phạm tội xảy ra khi D chưa đủ 18 tuổi).

- Bản án số 03/2019/HSST ngày 25/01/2019, D bị Tòa án nhân dân huyện A, Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (Bản án đã có hiệu lực pháp luật).

Hiện bị cáo đang thi hành án tại Trại tạm giam – Công an thành phố Hải Phòng. Có mặt.

2. Nguyễn Đình T, sinh năm 1987 tại huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và trú quán: Thôn T, xã Đ, huyện A,

Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (Học vấn): 7/12; con ông Nguyễn Đình H và bà Đinh Thị V (Đã chết); vợ là Nguyễn Thị H; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2010.

Tiền án: Không.

Tiền sự: 01 tiền sự: Tại Quyết định số 13/QĐ-TA ngày 13/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với T thời hạn 24 tháng.

Nhân thân: - Bản án số 18/2013 của Tòa án nhân dân huyện A, Hải Phòng xử phạt T 15 tháng tù cho hưởng án treo về tội trộm cắp tài sản, thời gian thử thách 28 tháng 26 ngày.

- Bản án số 03/2019/HSST ngày 25/01/2019, T bị Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản(Bản án đã có hiệu lực pháp luật).

Hiện bị cáo đang thi hành án tại Trại tạm giam – Công an thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- *Bị hại:*

1 Chị Trần Thị Thúy N, sinh năm 1988; Trú tại: Thôn P, xã K, huyện K, Hải Dương. Vắng mặt.

** Người có quyền lợi liên quan:*

Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1986; Trú tại: thôn D, xã L, huyện A, Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khảng 12 giờ ngày 18/8/2018, Trần Văn D đi bộ đến nhà Nguyễn Đình T chơi, sau đó rủ T đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân, D nói "Anh em mình đi làm tí lấy tiền tiêu đi" thì T đồng ý. T lấy 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha loại Jupiter sơn đỏ, đeo biển kiểm soát 34M2-3152 (Chiếc xe này D và T trộm cắp được trước đó tại địa bàn xã A, huyện A, Hải Phòng, T đã tháo biển số 15H1-025.10 của chiếc xe và thay vào đó là chiếc biển số 34M2-3152) và 01 vam phá khóa hình chữ "T". Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày , T và D đi đến địa phận thôn thôn P, xã K, huyện K, Hải Dương thì phát hiện thấy ở hiên nhà chị Trần Thị Thúy N có dựng 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha loại Jupiter MX sơn đen – bặc đeo BKS: 34P9-9271, thấy không có người trông giữ, T bảo D "*vào lấy đi"* nhưng D nói " *Em sợ lắm, anh vào lấy đi*". T xuống xe và bảo D ở ngoài cảnh giới, T đi bộ vào vị trí chiếc xe, dùng chiếc vam phá khóa đem theo phá ổ khóa điện của xe rồi cho xe nổ máy đi đến nhà anh Nguyễn Trọng T (Là bạn của T) ở thôn D, xã L, huyện A, Hải Phòng, còn D điều khiển xe máy biển số 34M2-3152 đi theo. Đến nơi, D đứng ngoài cổng chờ, còn T đi xe vừa trộm cắp được vào hỏi vay anh T 2.500.000 đồng thì anh T không đồng ý. T nói với anh T là xe của T và để lại làm tin, anh T tin nên đồng ý cho T vay tiền. Sau khi

vay được tiền, T đi bộ ra đường và cùng D đi xe về nhà T. Tại đây T đưa cho D 700.000 đồng và giữ lại 1.800.000 đồng, số tiền trên D và T đã ăn tiêu cá nhân hết không thu hồi được.

Đến ngày 19/8/2018, Trần Văn D và Nguyễn Đình T đến Công an xã D, huyện A, Hải Phòng tự thú về hành vi trộm cắp 01 xe mô tô biển số 15H1-025.10 tại xã A, huyện A, Hải Phòng và 01 xe mô tô biển số 34P9-9271 của chị N tại thôn P, xã k, huyện K, Hải Dương. Cùng ngày anh Nguyễn Trọng T đã tự nguyện giao nộp 01 xe mô tô tô biển số 34P9-9271 cho Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tạm quản lý.

Ngày 29/10/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Kim Thành đã nhận bàn giao 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter MX màu đen – bạc BKS 34P9-9271 từ Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện An Dương thành phố Hải Phòng.

Tại bản kết luận định giá số 34/KL-HĐĐG ngày 07/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Kim Thành kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Jupiter MX màu đen – bạc, biển kiểm soát 34P9-9271 trị giá 6.328.000 đồng.

Ngày 15/12/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Kim Thành đã trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Jupiter MX màu đen – bạc, biển kiểm soát 34P9-9271 cho chị Trần Thị Thúy N.

Chiếc vam phá khóa hình chữ "T", bị cáo T đã vứt đi ngay sau khi thực hiện xong hành vi trộm cắp xe của chị N, không thu hồi được.

Số tiền 2.500.000 đồng bị cáo T vay của anh T, các bị cáo T và D đã tiêu sài cá nhân hết không thu hồi được.

Cáo trạng số 12/CT-VKSKT ngày 15/3/2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố Trần Văn D và Nguyễn Đình T đều về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận như quá trình điều tra và xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Trần Văn D (Tên gọi khác: Trần Quang D) và Nguyễn Đình T đều về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại: Chị Trần Thị Thúy N có đơn xin vắng mặt và xác định đã nhận được tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường bất kỳ khoản nào.

Người có quyền lợi liên quan: Anh Nguyễn Trọng T vắng mặt nhưng có đơn không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 2.500.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Văn D (Tên gọi khác Trần Quang D) và Nguyễn Đình T đồng phạm phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 58; Điều 56; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo D. Xử phạt bị

cáo D từ 12 đến 15 tháng tù, Tổng hợp với hình phạt 18 tháng tù tại bản án số 03/2019/HSST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Buộc bị cáo D phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án từ 30 đến 33 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/10/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 58; Điều 56; điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T. Xử phạt bị cáo T từ 09 đến 12 tháng tù, Tổng hợp với hình phạt 18 tháng tù tại bản án số 03/2019/HSST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án từ 27 đến 30 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/10/2018.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng của vụ án: Không phải giải quyết.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo và các chứng cứ xác định tội:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 18/8/2018, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản, các bị cáo Trần Văn D và Nguyễn Đình T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Jupiter MX màu đen – bạc, biển kiểm soát 34P9-9271 trị giá 6.328.000 đồng của chị Trần Thị Thúy N tại thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Hành vi lén lút, chiếm đoạt tài sản của bị hại với trị giá 6.328.000 đồng, trước khi thực hiện hành vi trộm cắp các bị cáo D và T đã cùng thống nhất với nhau "*Anh em mình đi làm tí lấy tiền tiêu*" nên các bị cáo đã đồng phạm phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của chị Trần Thị Thúy N, mà

còn gây mất trật tự trị an trong khu vực, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm, bị pháp luật cấm nhưng do ham chơi, không chịu lao động chân chính, thích tiêu sài trên mồ hôi và công sức của người khác, nên đã cố ý phạm tội. Các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp có sự thống nhất từ trước. Vì vậy, Cáo trạng số 12/CT-VKSKT ngày 15/3/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương và lời buộc tội của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tại phiên tòa, đã truy tố các bị cáo Trần Văn D (Tên gọi khác Trần Quang D) và Nguyễn Đình T đều về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

Bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hinh sự.

Bị cáo D khi thực hiện hành vi phạm tội có 01 tiền án bị Tòa án nhân dân huyện EaH'Leo, tỉnh ĐăkLăk xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 11/7/2013. Đến nay vẫn chưa thi hành xong phần thi hành án dân sự của bản án. Bị cáo D chưa được xóa án tích nay lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị cáo D phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*Tái phạm*" quy định tịa điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo T, D thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã đến Công an xã Đại Bản tự thú nên các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- *Về nhân thân, phân hóa vai trò của các bị cáo trong vụ án như sau:*

Đây là vụ án đồng phạm, hai bị cáo D và T cùng thống nhất thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Trong đó bị cáo D là người đề sướng, rủ rê bị cáo T đi trộm cắp tài sản. Bị cáo T là người chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội cũng là người thực hành tội phạm tích cực, trực tiếp dùng vam phá khóa chiếm đoạt tài sản của bị hại sau đó trực tiếp đi tiêu thụ tài sản trộm cắp được. Trong vụ án này, vai trò của các bị cáo là ngang nhau.

Các bị cáo T và D đều có nhân thân xấu: Bị cáo T có 01 tiền sự. Bị cáo D có 01 tiền án. Các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ bằng nhau. Bị cáo D bị áp dụng một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Cả hai bị cáo T và D đều bị Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù theo Bản án số 03 ngày 25/01/2019, Bản án này đã có hiệu lực pháp luật, cần áp dụng biện pháp tổng hợp hình phạt theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự, buộc hai bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án.

- *Về hình phạt bổ sung:* Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự thì các bị cáo còn có thể bị phạt tiền sung quỹ Nhà nước, song xét hoàn cảnh

các bị cáo không có tài sản, không có việc làm và thu nhập nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Trần Thị Thúy N và người có quyền lợi liên quan anh Nguyễn Trọng T đều không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Jupiter MX màu đen – bạc, biển kiểm soát 34P9-9271 do anh Nguyễn Trọng T giao nộp là tài sản hợp pháp của chị Trần Thị Thúy N, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Kim Thành đã trả lại chị Trần Thị Thúy N chiếc xe trên để quản lý sử dụng là phù hợp.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Jupiter sơn đỏ, đeo biển kiểm soát 34M2-3152 được bị cáo T và D dùng làm phương tiện để trộm cắp tài sản nhưng lại là tài sản do các bị cáo đã trộm cắp được trước đó tại địa bàn xã A, huyện A, Hải Phòng, T đã tháo biển số 15H1-025.10 của chiếc xe và thay vào đó là chiếc biển số 34M2-3152 đã được xử lý theo bản án số 03/2019 ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đối với chiếc vam phá khóa hình chữ "T" là công cụ thực hiện tội phạm nhưng bị cáo T đã vứt đi sau khi lấy được xe của của N, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Kim Thành đã truy tìm, nay không thu giữ được nên không xem xét.

Số tiền 2.500.000đồng, người có quyền lợi liên quan anh T tự nguyện cho các bị cáo, bị cáo T đã chia cho bị cáo D 700.000đồng, bị cáo T trực tiếp quản lý và sử dụng 1.800.000đồng, các bị cáo đã tiêu sài hết, không thu hồi được nên không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo bị tuyên bố phạm tội nên phải chịu án phí sơ thẩm hình sự.

* Đối với anh Nguyễn Trọng T cho bị cáo T vay 2.500.000đồng và T để lại xe máy làm tin nhưng anh T không biết xe do bị cáo T và D phạm tội mà có, cơ quan Công an không xử lý đối với anh T là phù hợp.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn D (Tên gọi khác: Trần Quang D) và Nguyễn Đình T đồng phạm phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về điều luật áp dụng:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 58; Điều 56; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo D.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 58; Điều 56; điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T.

3. Về hình phạt:

Hình phạt chính:

Xử phạt bị cáo Trần Văn D (Tên gọi khác: Trần Quang D) 13 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 18 tháng tù tại bản án số 03/2019/HSST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Buộc bị cáo D phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 31 (Ba mươi mốt) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/10/2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 12 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 18 tháng tù tại bản án số 03/2019/HSST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/10/2018.

Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Đình T và Trần Văn D (tên gọi khác Trần Quang D) mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí sơ thẩm hình sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo; vắng mặt bị hại, người có quyền lợi liên quan. Báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện kim Thành;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Công an huyện Kim Thành;
- Trại tạm giam Kim Chi;
- Trại tạm giam – Công an tp.Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Các bị cáo; bị hại; người có QLLQ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng TAND huyện Kim Thành.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Trung